TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 22-7-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Lương
Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hải
- Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S
Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, Quận A, Thành phố B.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Q, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S Chi nhánh V. Theo văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27-12-2021.
Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Thanh M – Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro –Chi nhánh V - Ngân hàng S. Giấy ủy quyền số 223/2022/GUQ-CNBRVT ngày 28-3-2022.
Địa chỉ: Số 67A đường G, Phường P, thành phố V, tỉnh T. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trương Công Y, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số 70 Nguyễn Trường W, Phường R, thành phố V, tỉnh T (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 16-2-2022, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Ngày 26/09/2018, ông Trương Công Y ký với Ngân hàng S – Chi nhánh T (sau đây gọi là Ngân hàng S) và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông Y, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Mục đích tiêu dùng cá nhân. Loại thẻ Visa Classic, Lãi suất trong hạn là 2,6%/01 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ, ông Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.000.000đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông Y đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 16.100.000đồng. Do ông Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 22/07/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 22/7/2022, bị đơn ông Y đã sử dụng và nợ số tiền là 10.170.795đồng (Mười triệu, một trăm bảy mươi ngàn, bảy trăm chín mươi lăm đồng); Nợ lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 4.812.808đồng (Bốn triệu, tám trăm mười hai ngàn, tám trăm lẻ tám đồng). Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi: 14.983.603đồng (Mười bốn triệu, chín trăm tám mươi ba ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng). Nay, ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Y thanh toán số nợ nêu trên.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Y tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Y vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời ông Y không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa xét xử diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; Căn cứ tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trương Công Y vắng mặt nhiều lần không lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V cho rằng phía bị đơn là ông Trương Công Y đã ký 01 (một) hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 377/2018/HĐTD/BRV ngày 26/09/2018 với Ngân hàng S, ông Trương Công Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S đã khởi kiện yêu cầu ông Trương Công Y hoàn trả toàn bộ số nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng S chi nhánh T và ông Trương Công Y có ký kết 01 (một) hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 377/2018/HĐTD/BRV ngày 26/09/2018 , nay có tranh chấp về hợp đồng này nên xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại hợp đồng, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 377/2018/HĐTD/BRV ngày 26/09/2018 có ghi rõ ông Trương Công Y có nơi cư trú tại địa chỉ số 70 Nguyễn Trường W, Phường R, thành phố V, tỉnh T nên căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh T.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[1.4]. Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào quy định tại điểm a, b khoản

2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Công Y thanh toán số tiền gốc và lãi theo hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 377/2018/HĐTD/BRV ngày 26/09/2018, Hội đồng xét xử thấy:

Vào ngày 26/09/2018, Ngân hàng S – Chi nhánh Bà Rịa - Vũng T và ông Trương Công Y ký kết với nhau 01 (một)) hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 377/2018/HĐTD/BRV, loại thẻ tín dụng Visa Classic, số thẻ 472074-7082, với số tiền hạn mức tín dụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhằm sử dụng để chi tiêu cho nhu cầu cá nhân và sau đó không thanh toán sao kê nhiều kỳ cho Ngân hàng, lãi suất trong hạn là 2,6%/01 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất sẽ được Ngân hàng S quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

Sau khi được cấp thẻ, ông Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.000.000đồng và ông Y đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 16.100.000đồng. Từ ngày 22/07/2021, ông Y không thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 22/07/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn phù hợp với Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp quy định của các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 22/7/2022 là 10.170.795đồng (Mười triệu, một trăm bảy mươi ngàn, bảy trăm chín mươi lăm đồng); Nợ lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 4.812.808đồng (Bốn triệu, tám trăm mười hai ngàn, tám trăm lẻ tám đồng). Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi: 14.983.603đồng (Mười bốn triệu, chín trăm tám mươi ba ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng). Kể từ ngày 23/7/2022, ông Trương Công Y phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[2.2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 10.170.795đồng (Mười triệu, một trăm bảy mươi ngàn, bảy trăm chín mươi lăm đồng); Nợ lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 4.812.808đồng (Bốn triệu, tám trăm mười hai ngàn, tám trăm lẻ tám đồng). Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi: 14.983.603đồng (Mười bốn triệu, chín trăm tám mươi ba ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 749.180đồng.

Đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 90 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc ông Trương Công Y hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tổng cộng là 14.983.603đồng (Mười bốn triệu, chín trăm tám mươi ba ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng), trong đó nợ gốc là 10.170.795đồng (Mười triệu, một trăm bảy mươi ngàn, bảy trăm chín mươi lăm đồng); Nợ lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 4.812.808đồng (Bốn triệu, tám trăm mười hai ngàn, tám trăm lẻ tám đồng).

Ông Trương Công Y phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 23/7/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Công Y phải chịu án phí 749.180đồng (Bảy trăm bốn mươi chín ngàn, một trăm tám mươi đồng).

Ngân hàng S được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002043 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh T.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 377/2018/HĐTD/BRV ngày 26-09-2018 của Ngân hàng S cho đến khi thanh toán hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS T.P V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Lương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS T.P Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- **TÒA**
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS T.P Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN